CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Licogi - CTCP

Ngày 30/06/2025	32,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.7%	**-**	**-5.2%**

DT thuần
Q2/25
477
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 51.0| 12.0%
YoY: ▼49.0| -9.3%

LN thuần
Q2/25
19.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.1| 235%
YoY: ▲ 24.5| 447%

LN sau thuế
Q2/25
10.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.7| 150%
YoY: ▲ 28.0| 164%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-3.3%
YoY: +/-▼ 7.1%

ROE (TTM)
Q2/25
21.0%
YoY: +/-▲ 7.3%

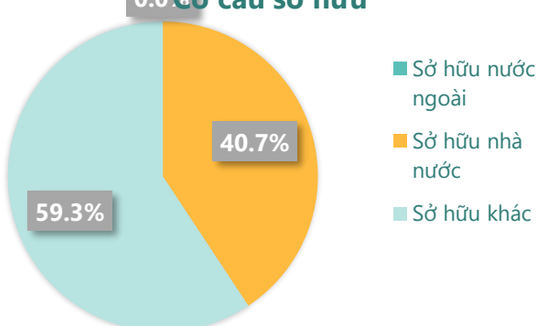
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	21,000 - 48,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,925
Số lượng CPLH (CP)	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,185
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.08
EPS	959
P/E	33.9

DT thuần
6T 2025
904
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.0| 5.1%

LN thuần
6T 2025
4.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.5| 118%

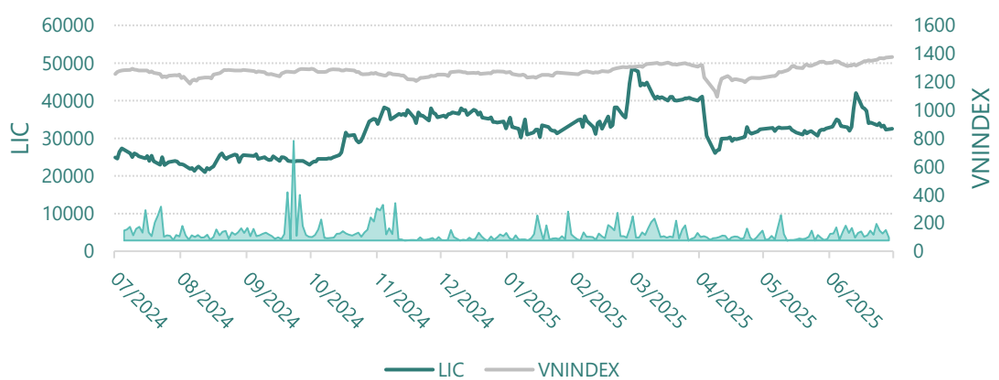
LN sau thuế
6T 2025
-10.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.8| 70.3%

Cơ cấu sở hữu

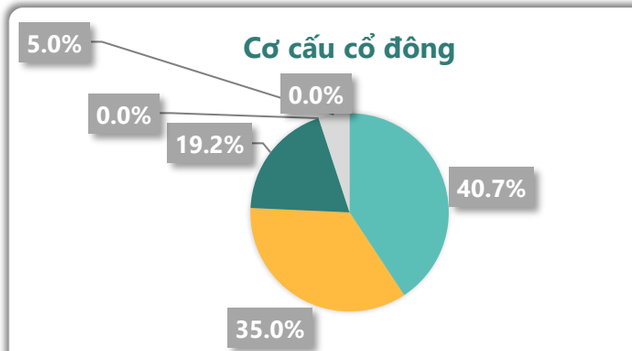


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



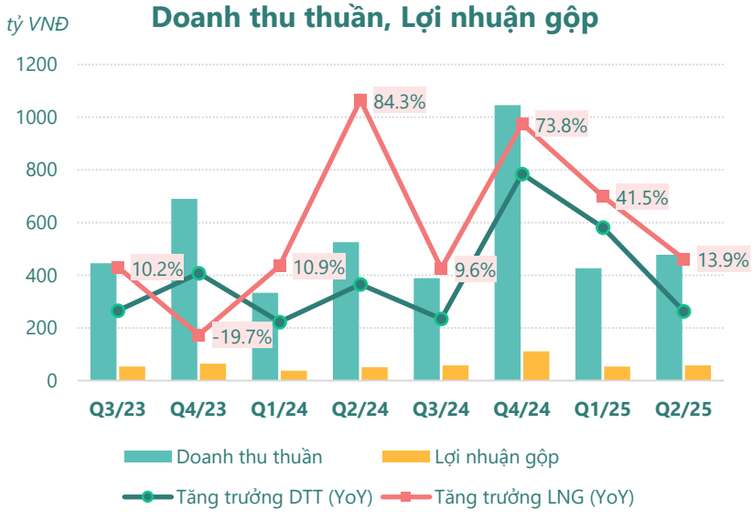
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

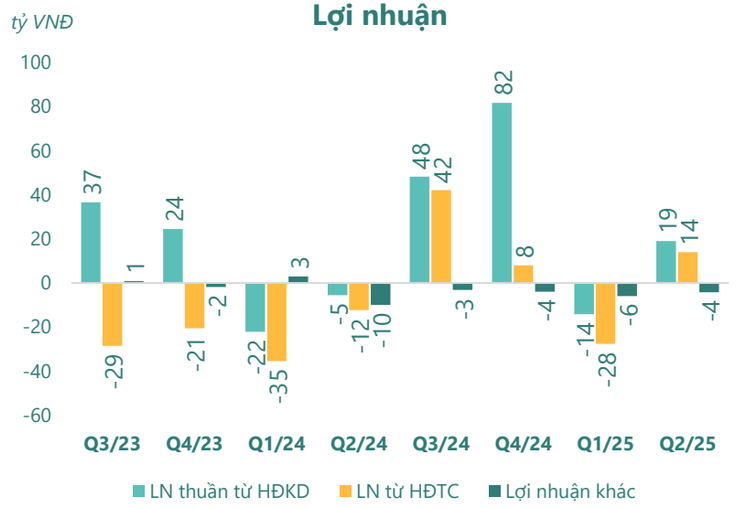
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



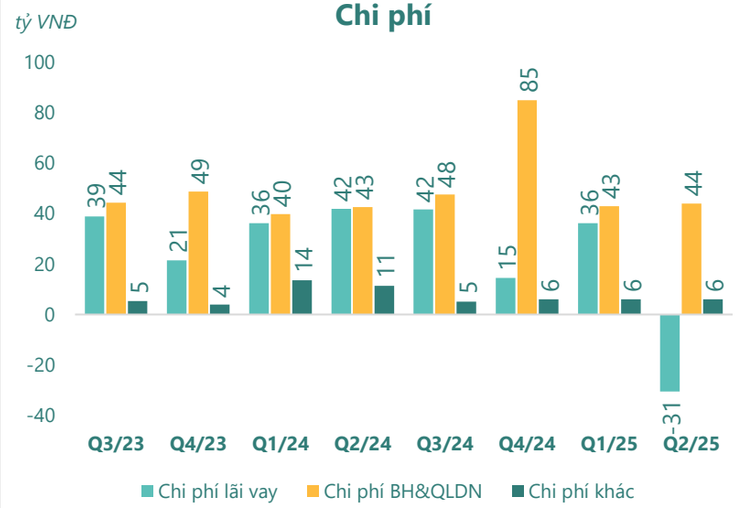
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



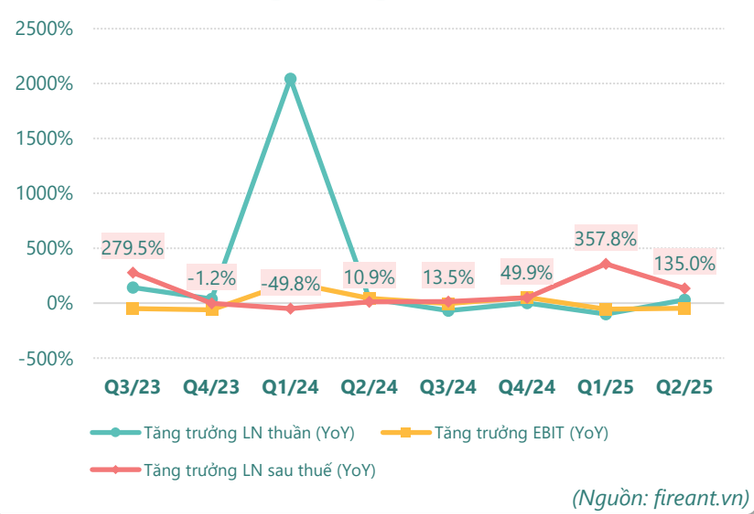
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



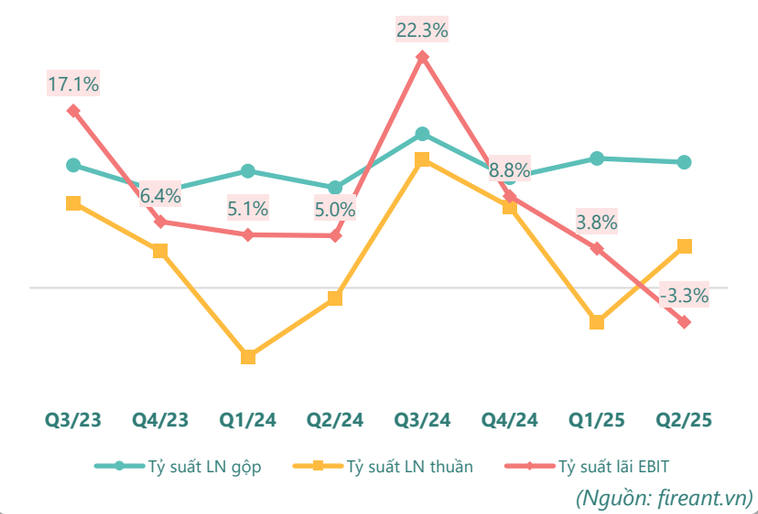
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



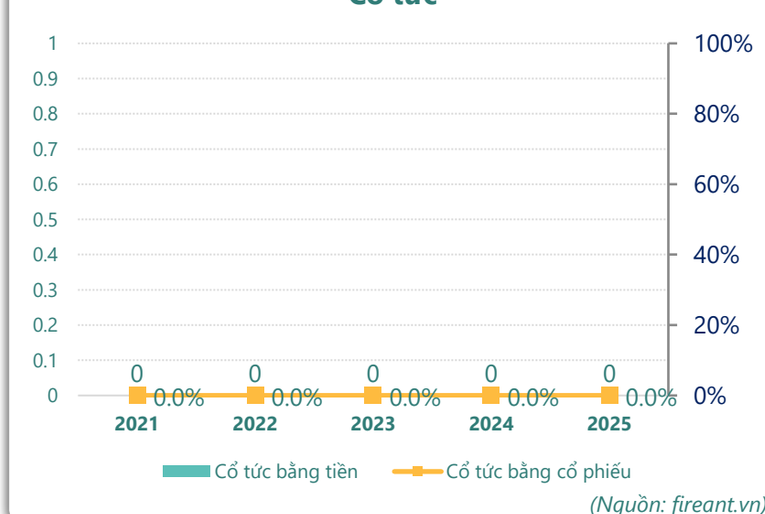
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

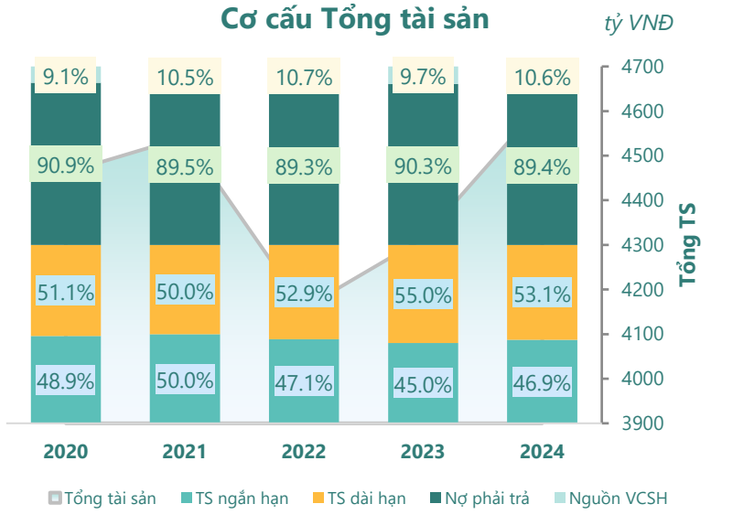
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

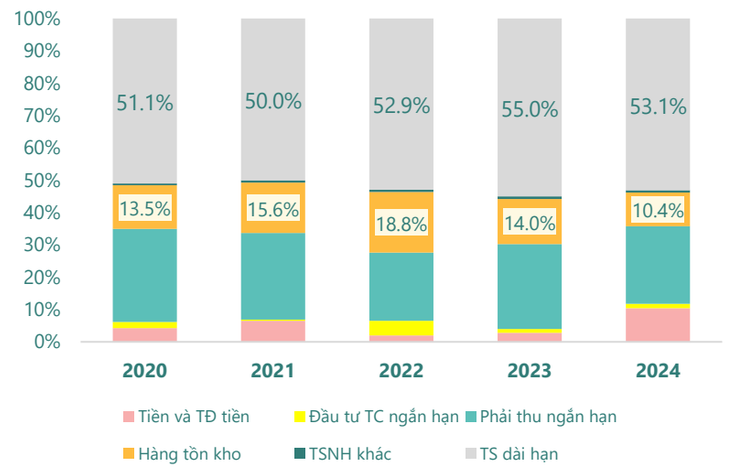
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



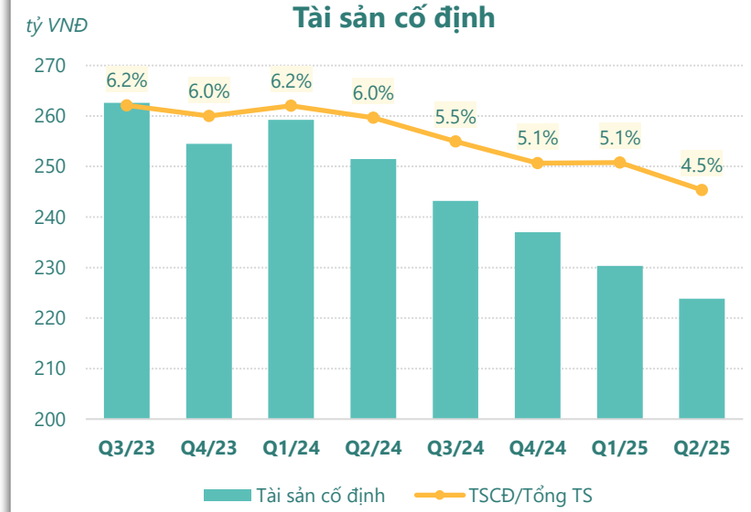
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



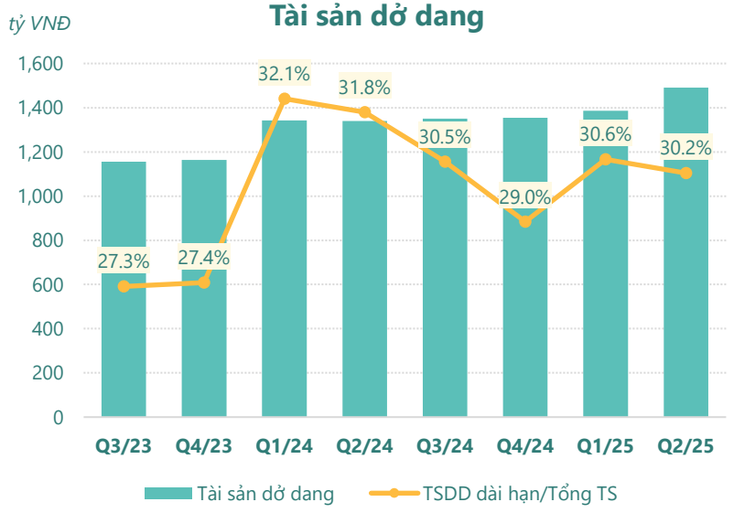
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



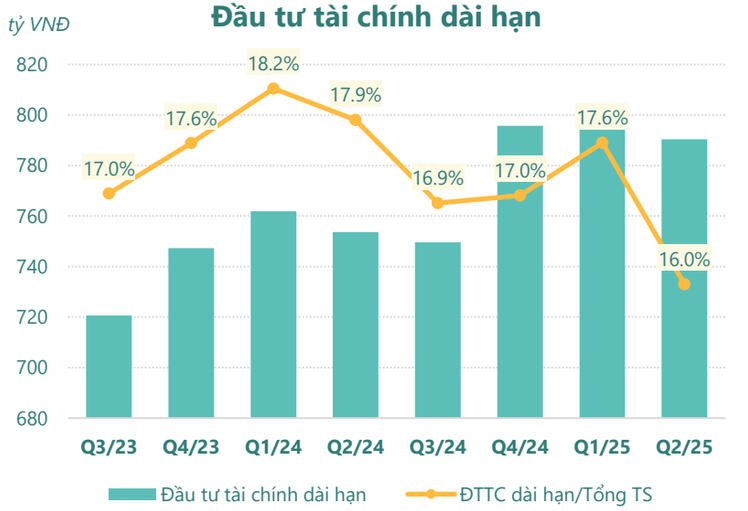
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



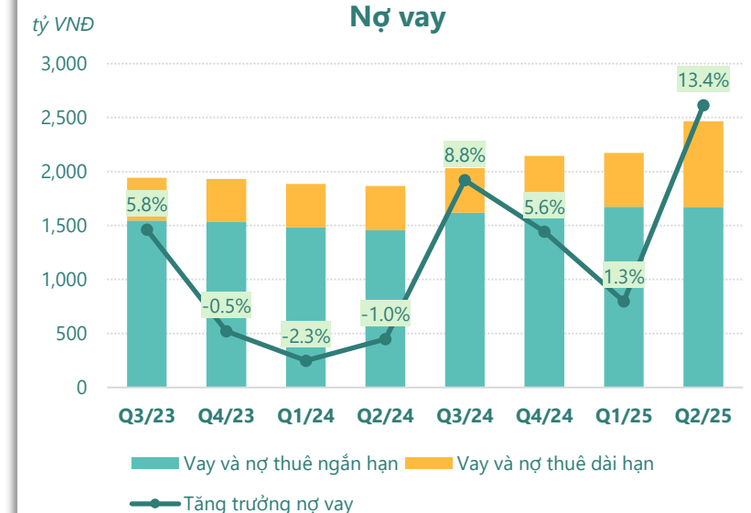
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

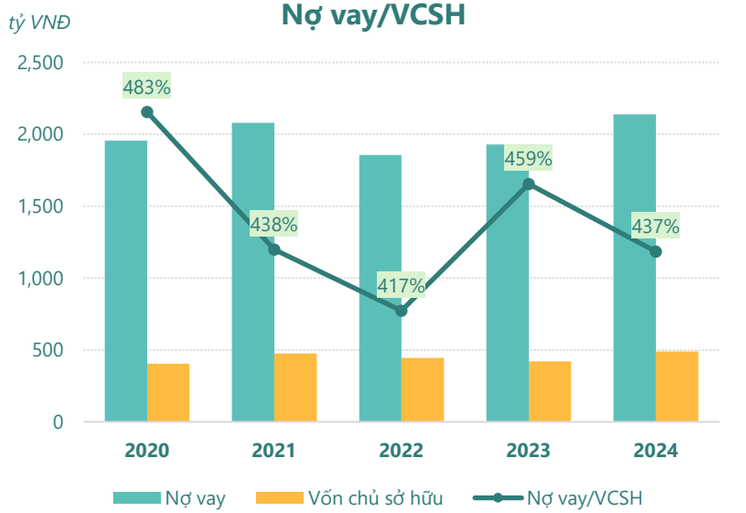
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

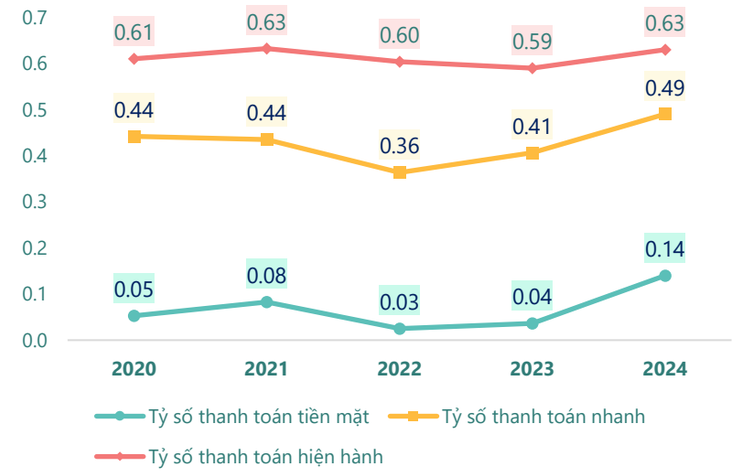
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



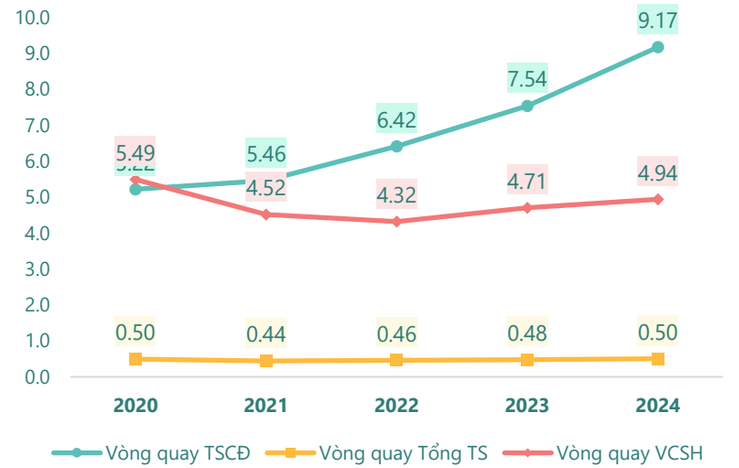
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



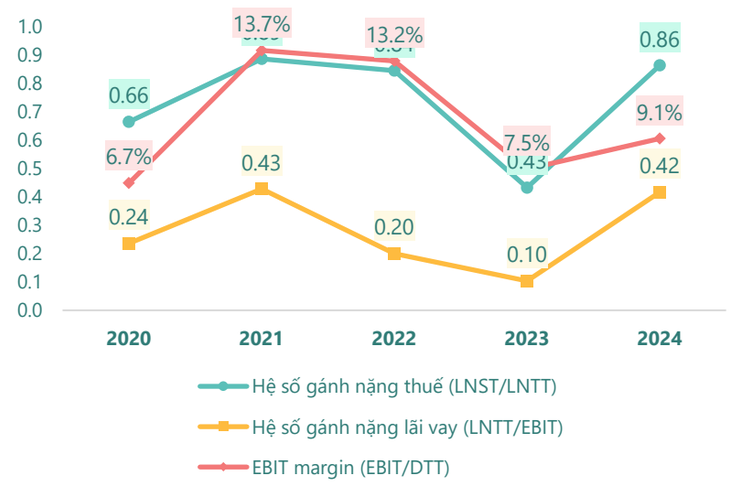
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



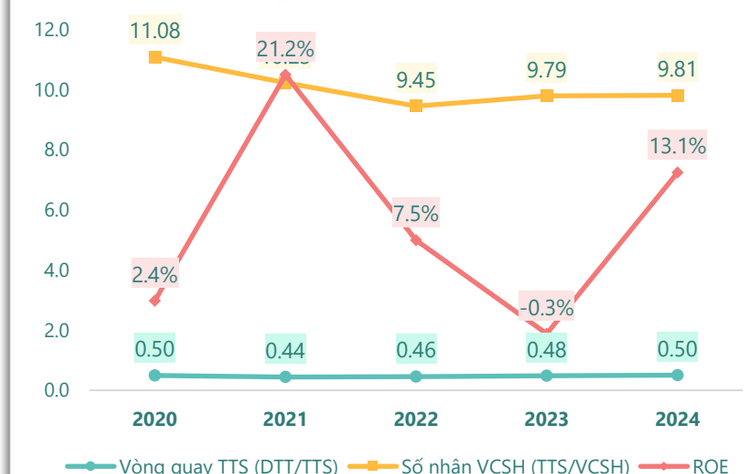
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



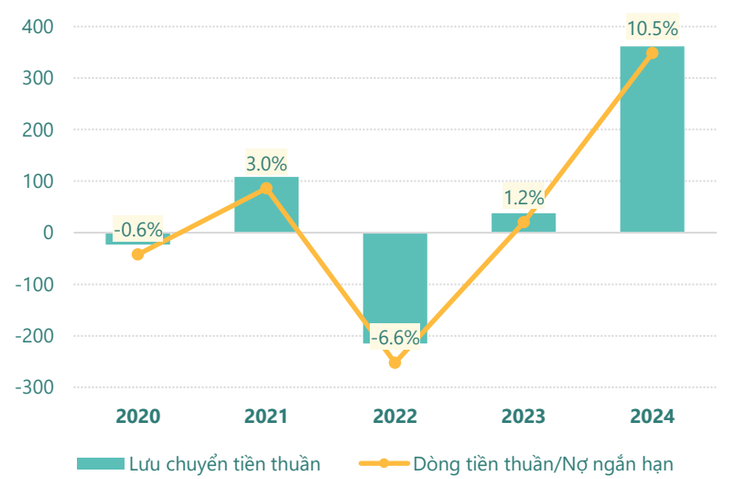
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**477**	**526**	**-9.3%**	**904**	**860**	**5.1%**
Giá vốn hàng bán	419	475	-11.7%	793	771	2.8%
Lợi nhuận gộp	57.8	50.8	13.8%	111	88.4	25.7%
Doanh thu HĐTC	33.5	30.5	9.8%	42.0	31.3	34.3%
Chi phí TC	19.6	42.7	-54.2%	55.8	79.0	-29.4%
Chi phí lãi vay	-30.6	41.9	-173%	5.59	78.2	-92.9%
LN trong công ty LKLD	**-8.70**	**-1.33**	**-554%**	**-5.49**	**14.1**	**-139%**
Chi phí bán hàng	9.64	8.99	7.3%	23.1	18.3	26.4%
Chi phí QLDN	**34.4**	**33.7**	**1.9%**	**63.9**	**64.2**	**-0.5%**
LN thuần từ HĐKD	19.0	-5.49	447%	4.92	-27.6	118%
Lợi nhuận khác	**-4.16**	**-9.95**	**58.2%**	**-10.0**	**-7.01**	**-43.3%**
LN trước thuế	14.9	-15.4	197%	-5.13	-34.7	85.2%
Lợi nhuận sau thuế	**10.9**	**-17.1**	**164%**	**-10.9**	**-36.7**	**70.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.43**	**-18.3**	**146%**	**-14.8**	**-37.6**	**60.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.2	-3.95	-54.1	61.8	-58.3	-238
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.5	37.3	18.7	30.3	-34.5	-0.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.5	-19.3	164	115	32.9	292
Tiền đầu kỳ	119	130	144	272	481	421
Lưu chuyển tiền thuần	**10.2**	**14.1**	**129**	**207**	**-60.0**	**53.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	130	144	272	479	421	475

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,935**	**4,617**	**6.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,044	2,165	-5.6%
Tiền và tương đương tiền	475	481	-1.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.7	62.3	-58.7%
Phải thu ngắn hạn	942	1,108	-14.9%
Hàng tồn kho	556	479	16.0%
Tài sản ngắn hạn khác	45.0	33.5	34.3%
Tài sản dài hạn	**2,891**	**2,452**	**17.9%**
Phải thu dài hạn	351	2.32	15057%
Tài sản cố định	224	237	-5.5%
Bất động sản đầu tư	4.02	4.02	0.0%
Tài sản dở dang	1,491	1,379	8.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	790	796	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	**30.5**	**33.7**	**-9.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,480	4,127	8.6%
Nợ ngắn hạn	**3,378**	**3,437**	**-1.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,669	1,659	0.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	598	730	-18.1%
Nợ dài hạn	1,102	690	59.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	796	481	65.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**455**	**490**	**-7.0%**
Vốn chủ sở hữu	**455**	**490**	**-7.0%**
Vốn điều lệ	900	900	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)